

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HC-ST
Ngày: 27 - 02 - 2020
V/v kiện quyết định hành
chính trong việc xử lý vi phạm
pháp luật về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồng Văn Hận
Ông Trần Minh Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 38/2019/TLST-HC ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc Kiện quyết định hành chính trong việc xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HC ngày 25 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà T, sinh năm 1961;
Địa chỉ: huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Người bị kiện: + Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C
Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông X – Phó Chủ tịch UBND thị trấn C là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 07/GUQ – UBND ngày 20/12/2019).

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C
Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông G – Chủ tịch UBND huyện C là người đại diện theo pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện C: Ông H – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông S, sinh năm 1964 và bà N, sinh năm 1966; Địa chỉ: huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của ông S và bà N: Ông D, sinh năm 1965; địa chỉ: Quân 8, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 19/12/2019).

Tại phiên tòa ngày 05/02: Bà T, ông D (người đại diện), ông X có mặt; ông Hung, người bị kiện, người có quyền lợi liên quan vắng mặt.

Tại phiên tòa tiếp tục ngày 27/02: Bà Tươi, ông Sơn có mặt; ông Sang (người đại diện), ông H, người bị kiện, người có quyền lợi liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 28/02/2019, Ủy ban nhân dân thị trấn C (viết tắt Ủy ban thị trấn) lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà T về hành vi chiếm đất nhà nước quản lý. Cùng ngày, Chủ tịch Ủy ban thị trấn ra Quyết định số 11/QĐ – XPVPHC (viết tắt Quyết định 11) xử phạt hành chính bà T về hành vi chiếm đất nhà nước quản lý, mức phạt 4.000.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bà T khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

Ngày 04/3/2019, Ủy ban thị trấn giao Quyết định 11 cho bà T. Ngày 11/4/2019 Chủ tịch Ủy ban thị trấn ra Quyết định số 78/QĐ – CCXP Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm (viết tắt Quyết định 78). Ngày 22/4/2019, Ủy ban thị trấn giao Quyết định 78 cho bà T.

Ngày 04/5/2019, bà T khiếu nại Quyết định 78; ngày 14/6/2019 Chủ tịch Ủy ban thị trấn ra Quyết định số 139/QĐ-UBND (viết tắt Quyết định 139) giải quyết khiếu nại với nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của bà T, Giữ nguyên nội dung Quyết định 78. Ngày 19/6/2019, bà T khiếu nại Quyết định 139; ngày 10/9/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (viết tắt Chủ tịch Ủy ban huyện) ra Quyết định số 3116/QĐ – UBND (viết tắt Quyết định 3116) giải quyết khiếu nại với nội dung: Giữ nguyên Quyết định 139.

Ngày 20/9/2019, bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định 78, hủy Quyết định 139, hủy Quyết định 3116 với lý do: Các quyết định trên đã xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà vì bà cất nhà trên phần đất chuyển nhượng của vợ chồng ông S; Đất này thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông S chứ không phải đất nhà nước quản lý.

Tại phiên tòa xét xử ngày 05/02/2020, Người đại diện Chủ tịch Ủy ban thị trấn có ý kiến là sửa đổi Quyết định số 78 nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Ngày 10/02/2020, Chủ tịch Ủy ban thị trấn ban hành Quyết định số 27/QĐ-SĐCCXP Sửa đổi Quyết định số 78 (viết tắt Quyết định 27)

Tại phiên tòa bà T thừa nhận bà đã nhận được Quyết định 27; nay bà vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định 78, hủy Quyết định 139, hủy Quyết định 3116 và bà yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định 27.

** Đại diện Chủ tịch UBND thị trấn C trình bày:* Ngày 11/4/2019 Chủ tịch UBND thị trấn C ban hành Quyết định 78, Quyết định 78 được ban hành đúng trình tự, thủ tục và có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 05/02/2020 qua phần tranh luận thấy tại khoản 5 Điều 1 của phần Quyết định 78 có sai sót về nội dung nhưng không làm thay đổi cơ bản nội dung của Quyết định 78 nên yêu cầu được tạm ngừng phiên tòa để Chủ tịch Ủy ban thị trấn ra quyết định sửa đổi Quyết định 78. Ngày 10/02/2020, Chủ tịch Ủy ban thị trấn C ban hành Quyết định 27 Sửa đổi Quyết định 78. Nội dung sửa đổi như sau: Tại khoản 5 Điều 1 của Quyết định 78 ghi “*Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do bà T chi trả.*”

Bà T phải hoàn trả số kinh phí 30.000.000 đồng cho Ủy ban nhân dân thị trấn C là cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”.

Nay được sửa đổi: “*Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do bà T chi trả.*”

Quyết định 27 được ban hành đúng trình tự, thủ tục và có căn cứ đúng pháp luật; Yêu cầu Tòa án giải quyết giữ nguyên các Quyết định bị khiếu kiện theo quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền của ông S và bà N trình bày:* Vợ chồng ông S (ông S và bà N) có chuyển nhượng cho bà T phần đất tại kênh xáng, việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay với nhau. Trong Giấy chuyển nhượng có thỏa thuận nếu có tranh chấp với cá nhân thì vợ chồng ông S chịu trách nhiệm; nếu đất nhà nước sử dụng thì ông S hoàn toàn không chịu trách nhiệm, do đó vợ chồng ông S không liên quan gì đến việc bà T khiếu kiện quyết định hành chính trên.

Tòa án đã triệu tập các đương sự nhiều lần để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người khởi kiện vắng mặt nên chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tổ chức đối thoại được. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện và tuân thủ đúng quy định Luật Tổ tụng hình chính. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 – Luật tổ tụng hành chính bác yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy Quyết định 78, Quyết định 139, Quyết định 3116 và Quyết định 27.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chủ tịch Ủy ban thị trấn, Chủ tịch Ủy ban huyện là người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp người bị kiện đều có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 157 – Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Quyết định 78, Quyết định 139, Quyết định 3116; ngày 10/02/2020, Chủ tịch Ủy ban thị trấn ban hành Quyết định 27 sửa đổi Quyết định 78.

Như vậy, Quyết định 78, Quyết định 139, Quyết định 3116, Quyết định 27 là quyết định hành chính trong việc xử lý vi phạm pháp luật về đất đai.

Ngày 20/9/2019, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy: Quyết định 78, Quyết định 139, Quyết định 3116, tại phiên tòa bà T yêu cầu hủy Quyết định 27.

Khởi kiện của bà T trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 – Luật Tổ tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 – Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định: Quyết định 78, Quyết định 139, Quyết định 3116, Quyết định 27 ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 208 – Luật đất đai; điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 28, điều 29, điểm d khoản 1 Điều 38, Điều 58, Điều 86 và 87 – Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm b khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 18 – Luật khiếu nại; Điều 2 – Nghị định 166/2013/NĐ – CP; Điều 6a, 6c, 6d – Nghị định 97/2017/NĐ – CP ngày 18/8/2017.

[4] Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định 78, Quyết định 139, Quyết định 3116, Quyết định 27 với lý do: Các quyết định trên đã xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 18/10/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ra Quyết định số 820/QĐ-UBND phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến lộ T D – Bệnh viện đa khoa khu vực C. Theo đó, phần đất của vợ chồng ông S do bà N (vợ ông S) đứng tên bị thu hồi cho dự án với diện tích 1.626,30m², có vị trí hai cạnh ngang giáp đất I, giáp đất K; hai cạnh dài tiếp giáp kênh xáng (kênh Lộ Hăng), giáp đất còn lại của vợ chồng ông S (BL. 110, 122, 125, 117). Như vậy, toàn bộ phần đất của vợ chồng ông S tiếp giáp với kênh xáng đã bị thu hồi từ năm 2005; Đồng thời, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt Giấy CN.QSD đất) do mà bà N đứng tên thể hiện rõ phần đất kênh xáng Ủy ban huyện không cấp QSD cho vợ chồng ông Sang. Tại phiên tòa, người đại diện cho vợ chồng ông S

cũng xác định phần đất thuộc kênh xáng không thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông S. Do đó, bà Tươi cho rằng phần đất bà tiến hành cất nhà thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng ông S đã chuyển nhượng cho bà là không có cơ sở chấp nhận.

Quá trình bà T chiếm đất cất nhà, Ủy ban thị trấn đã nhiều lần nhất nhỡ, động viên bà ngưng việc xây cất nhưng bà T không thực hiện mà bà T tiến hành cấm trụ bê tông và xây cất nhà hoàn tất trên phần đất đã có quyết định thu hồi, phần đất kênh xáng. Ngày 28/02/2019, Ủy ban thị trấn lập biên bản vi phạm hành chính với bà T có hành vi đang cấm 14 trụ bê tông cốt thép trên phần kênh xáng để cất nhà ở. Do đó, Ủy ban thị trấn lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà T về hành vi chiếm đất Nhà nước quản lý và áp dụng biện pháp khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm để khắc phục hậu quả là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi ban hành Quyết định 11, Ủy ban thị trấn đã nhiều lần đối thoại, động viên, thuyết phục bà T tự tháo dỡ công trình kiến trúc trên đất để giao trả lại đất nhưng bà T vẫn không tự nguyện thực hiện. Ngày 11/4/2019, Chủ tịch Ủy ban thị trấn C ban hành Quyết định 78 Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong Quyết định 78 có nội dung: *Bà T phải hoàn trả số kinh phí 30.000.000 đồng cho Ủy ban nhân dân thị trấn C là cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là sai.* Ngày 10/02/2020, Chủ tịch Ủy ban thị trấn C ban hành Quyết định 27 sửa đổi Quyết định 78. Quyết định 27 không có nội dung *bà T phải hoàn trả số kinh phí 30.000.000 đồng cho Ủy ban nhân dân thị trấn C* còn lại các nội dung khác vẫn giữ nguyên. Như vậy, Quyết định 27 không làm thay đổi nội dung cơ bản của Quyết định 78 và cũng không làm thiệt hại thêm về quyền lợi của bà T. Đồng thời, trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành đúng quy định Điều 6a, 6c, 6d – Nghị định 97/2017/NĐ – CP ngày 18/8/2017.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T không có căn cứ chấp nhận, nên bác yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy Quyết định 78, Quyết định 139, Quyết định 3116, Quyết định 27.

[5] Về án phí: Yêu cầu của người khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 – Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 6a, 6c, 6d – Nghị định 97/2017/NĐ – CP ngày 18/8/2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà T về việc: Hủy Quyết định số 78/QĐ-CCXP ngày 11/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau; Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau; Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau; Quyết định số 27/QĐ-SĐCCXP ngày 10/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C.

- Án phí: Bà T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 00403 ngày 25/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau; bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, người có liên quan có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Miến

